

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2023

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hạnh;

Ông Bùi Huy Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị L (Trương Thị L'), sinh năm 1975. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 36, ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1974. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 36, ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày:

Bà Trương Thị L và ông Nguyễn H qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 12-3-1995 tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm, lo lắng cho nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau trầm trọng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được và bà L, ông H đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Nay bà L cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn H. Về con chung: Bà L, ông H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm L1, sinh ngày 20/6/1996 và cháu Nguyễn Thị Nhã L2, sinh ngày 28/6/2003. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, trên 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải và ghi nhận ý kiến của ông H được.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo kết quả xác minh ngày 15/3/2023, tại địa phương, nơi sinh sống của bà L, ông H ghi nhận được nội dung sau: Thời gian đầu bà L và ông H có mâu thuẫn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn H có đăng ký kết hôn, nay bà L xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn ông Nguyễn H đang cư trú tại xã Q, huyện C, tỉnh B, căn cứ vào các Điều 28,

Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Bà Trương Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà L và ông H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/3/1995 tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm, lo lắng cho nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau trầm trọng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được và bà L, ông H đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay.

Theo kết quả xác minh ngày 15/3/2023, tại địa phương, nơi sinh sống của bà L, ông H ghi nhận được nội dung ông H và bà L có mâu thuẫn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập các bên đến trụ sở Tòa án nhằm để ghi nhận ý kiến và hoà giải, nhưng do ông H vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến và hoà giải hàn gắn được.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nhận thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà L và ông H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm L1, sinh ngày 20/6/1996 và cháu Nguyễn Thị Nhã L2, sinh ngày 28/6/2003. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, trên 18 tuổi. Các đương sự không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Trương Thị L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị L (Trương Thị L') được ly hôn với ông Nguyễn H.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị L không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trương Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000818, ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Trương Thị L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2023) các đương sự được quyền kháng cáo. Do bà L và ông H đều vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã Quảng Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Văn Tiến